

Thực trạng xuống sữa, nuôi con bằng sữa mẹ và một số yếu tố liên quan ở sản phụ mổ lấy thai tại Khoa Phụ sản, Bệnh viện Quân y 103

The situation of lactation, breastfeeding and some factors related after cesarean section at the Obstetrics and Gynecology Department of 103 Military Hospital

Nguyễn Thị Nhung, Đào Nguyên Hùng

Bệnh viện Quân y 103

Tóm tắt

Mục tiêu: Nghiên cứu thực trạng xuống sữa, một số yếu tố liên quan đến sự xuống sữa và kiến thức thực hành nuôi con bằng sữa mẹ ở sản phụ mổ lấy thai tại Khoa Phụ Sản - Bệnh viện Quân y 103. **Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang, chọn mẫu thuận tiện ở 200 sản phụ mổ lấy thai. **Kết quả:** Đa số sản phụ mổ lấy thai sinh con rạ (67,5%), phần lớn nhóm đối tượng nghiên cứu có chỉ định mổ khi có chuyển dạ (88%). Thời điểm xuống sữa trung bình $60,9 \pm 11,4$ giờ, trong đó tỷ lệ sản phụ xuất hiện xuống sữa sau mổ 72 giờ chiếm 56%. Đa số sản phụ có kiến thức về lợi ích của sữa mẹ (91,5%). Về kỹ năng, 66% sản phụ nắm được tư thế của trẻ khi cho bú. Có mối liên quan giữa nhóm nghề nghiệp, tiền sử sinh con, phương pháp mổ lấy thai và dùng kháng sinh với điểm xuống sữa ($p < 0,05$). Không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa tuổi, trình độ học vấn, phương pháp vô cảm, dùng dụng cụ hút sữa với điểm xuống sữa ($p > 0,05$). **Kết luận:** Đa số các sản phụ mổ lấy thai đã có kiến thức về nuôi con bằng sữa mẹ, tuy nhiên thực hành nuôi con bằng sữa mẹ còn nhiều hạn chế. Sự xuống sữa có liên quan đến các yếu tố nhóm nghề nghiệp, tiền sử sinh con, chỉ định mổ lấy thai và cách thức sử dụng kháng sinh.

Từ khóa: Mổ lấy thai, xuống sữa.

Summary

Objective: To study the status of lactation, some factors related lactation and knowledge and practice of breastfeeding mothers after cesarean section at the Obstetrics and Gynecology Department - 103 Military Hospital. **Subject and method:** A cross-sectional descriptive study, convenient sampling of 200 women by cesarean section. **Result:** Most of them were multiparous women (67.5%), most of the study subjects had indications for caesarean section during labor (88%). The average time of lactation was 60.9 ± 11.4 hours, in which the percentage of women appearing on lactation after 72 hours for 56%. The majority of mothers had knowledge about the benefits of breast milk (91.5%). About skills, 66% of mothers knew the position of the baby when breastfeeding. There was a linear correlation between the quantity of history of childbirth, occupational group, cesarean section, antibiotic use and the lactation time ($p < 0.05$). There was no statistically significant relationship between age, education level, the method of insensitivity, using a breast pump and the let-down point ($p > 0.05$). **Conclusion:** Most women who have a cesarean section have good knowledge about

Ngày nhận bài: 25/3/2023, ngày chấp nhận đăng: 01/4/2023

Người phản hồi: Nguyễn Thị Nhung, Email: bv103nhung@gmail.com - Bệnh viện Quân y 103

breastfeeding, but breastfeeding practices are still limited. Lactation time is related to history of childbirth, occupational group, cesarean section, antibiotic use.

Keywords: Cesarean section, dairy status.

1. Đặt vấn đề

Nuôi con bằng sữa mẹ là phương pháp nuôi dưỡng trẻ tự nhiên mang lại lợi ích tối ưu nhất cho sự sống, lớn lên và phát triển của trẻ. Cho con bú sớm trong 1 giờ đầu sau sinh là cách thức để mẹ truyền cho con nguồn sữa non quý giá với nồng độ cao vitamin A, kháng thể, và các yếu tố bảo vệ khác giúp củng cố và cân bằng hệ thống miễn dịch thụ động của trẻ [1].

Tại Việt Nam, cứ 4 trẻ thì có dưới 1 trẻ được bú sữa mẹ trong vòng 1 giờ đầu sau sinh. Dưới một nửa số trẻ dưới 6 tháng tuổi (45,4%) được bú sữa mẹ hoàn toàn [2]. Một trong những nguyên nhân quyết định đến việc cho trẻ bú là sự xuống sữa, kiến thức và kỹ năng của sản phụ đối với vai trò của việc nuôi con bằng sữa mẹ. Ngày đầu sau đẻ, sản phụ thường có sữa non. Sau đẻ 2-3 ngày có sữa thường [3].

Hiện nay, tỷ lệ mổ đẻ tăng cao, theo nghiên cứu tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương năm 2013, tỷ lệ mổ lấy thai là 39% [6]. Mổ lấy thai ảnh hưởng nhiều đến hiện tượng xuống sữa [5].

Việc đánh giá kiến thức, kỹ năng thực hành của sản phụ nuôi con bằng sữa mẹ và những yếu tố liên quan đến sự xuống sữa sau mổ lấy thai là cơ sở quan trọng nhằm nâng cao các hoạt động chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em đồng thời đề ra các biện pháp thích hợp nhằm ra tăng tỷ lệ hiểu biết về nuôi con bằng sữa mẹ. Chính vì điều đó, chúng tôi thực hiện đề tài: *"Thực trạng xuống sữa, nuôi con bằng sữa mẹ và một số yếu tố liên quan ở sản phụ mổ lấy thai tại Khoa Phụ Sản - Bệnh viện Quân y 103"* nhằm mục tiêu: 1. *Đánh giá thực trạng xuống sữa và nuôi con bằng sữa mẹ ở sản phụ mổ lấy thai tại Khoa Phụ sản - Bệnh viện Quân y 103.* 2. *Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến sự xuống sữa ở sản phụ mổ lấy thai tại Khoa Phụ sản - Bệnh viện Quân y 103.*

2. Đối tượng và phương pháp

2.1. Đối tượng

Sản phụ mổ lấy thai tại Khoa Phụ Sản - Bệnh viện Quân y 103, năm 2022.

Tiêu chuẩn chọn mẫu: Tuổi thai ≥ 37 tuần, sơ sinh khỏe mạnh, sinh mổ, đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ: Các sản phụ không đủ năng lực để trả lời các câu hỏi nghiên cứu. Các sản phụ mắc bệnh về tuyến vú trước khi sinh.

2.2. Phương pháp

Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang.

Cỡ mẫu nghiên cứu:

Áp dụng công thức tính cỡ mẫu cho nghiên cứu mô tả tỷ lệ mắc quần thể.

$$n = \frac{Z_{1-\frac{\alpha}{2}}^2 P(1-P)}{d^2}$$

Trong đó, $p=0,6$: tỷ lệ sản phụ đã xuống sữa tại Khoa Sản thường - Bệnh viện Phụ sản Trung ương (Nghiên cứu của Nguyễn Đức Thuận) [6]. Chọn $d = 0,05$. $n = 188$ người bệnh.

Kỹ thuật chọn mẫu: Lấy mẫu thuận tiện là chọn tất cả các đối tượng đủ tiêu chuẩn nghiên cứu tại Khoa Phụ sản - Bệnh viện Quân y 103 trong thời gian nghiên cứu, khi đủ 188 người bệnh thì dừng lại, thực tế chọn 200 sản phụ.

2.3. Xử lý số liệu

Số liệu được thu thập và xử lý bằng phần mềm SPSS 22.

2.4. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được thông qua Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu Y học của Bệnh viện Quân y 103.

Tổ chức nghiên cứu

Theo dõi sản phụ trực tiếp tại buồng bệnh sau mổ lấy thai tại Khoa Sản.

Tiến hành phỏng vấn đối tượng tại phòng tư vấn chuyên môn trong quá trình nằm viện tại Khoa Sản.

Xây dựng bộ công cụ:

Phiếu phỏng vấn

Hồ sơ nghiên cứu.

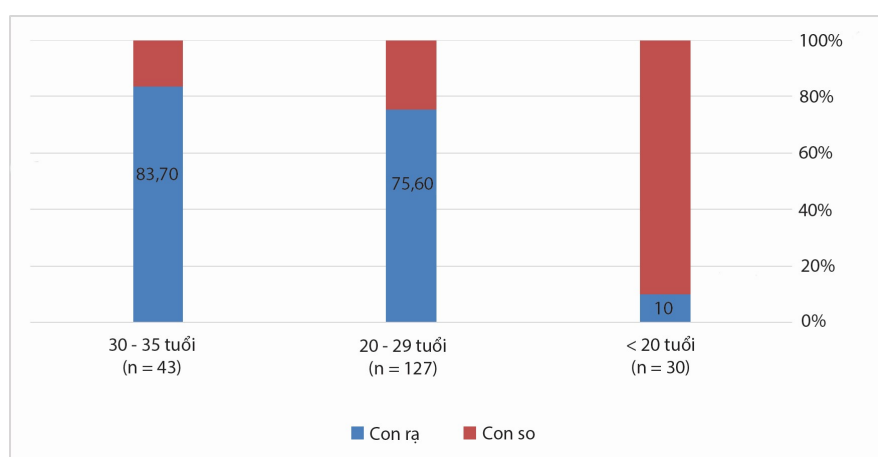
Các phiếu phỏng vấn được thử nghiệm độ tin cậy trước khi áp dụng phỏng vấn.

Cam kết của sản phụ khi tham gia nghiên cứu.

3. Kết quả

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

3.1.1. Tuổi và tiền sử sinh con của sản phụ



Biểu đồ 1. Tuổi và tiền sử sinh con của sản phụ mổ lấy thai

Nhận xét: Sản phụ ở nhóm tuổi 20-29 chiếm tỷ lệ cao nhất (63,5%), nhóm < 20 tuổi chiếm tỷ lệ thấp nhất trong ba nhóm (15%). Trong tổng số 200 sản phụ, có 135 sản phụ sinh con rạ, chiếm 67,5%. So sánh về tiền sử sinh con giữa các nhóm cho thấy, tỷ lệ đẻ con rạ nhiều nhất ở nhóm 30-35 tuổi (83,7%), chỉ có 10% sản phụ có độ tuổi dưới 20 đẻ con rạ.

3.1.2. Đặc điểm về chỉ định mổ lấy thai và phương pháp vô cảm khi mổ lấy thai

Bảng 1. Đặc điểm về chỉ định và phương pháp vô cảm khi mổ lấy thai

Đặc điểm		n	%
Chỉ định mổ lấy thai	Mổ chủ động	24	12
	Mổ có chuyển dạ	176	88
Phương pháp vô cảm	Tê tủy sống	183	91,5
	NKQ, mê TM	17	8,5

Nhận xét: Phần lớn nhóm đối tượng nghiên cứu có chỉ định mổ khi có chuyển dạ (88%). Phương pháp vô cảm bằng tê tủy sống chiếm tỷ lệ cao nhất (91,5%).

3.2. Kết quả về thời điểm xuống sữa của sản phụ sau mổ lấy thai

Bảng 2. Thời điểm xuống sữa của sản phụ sau mổ lấy thai

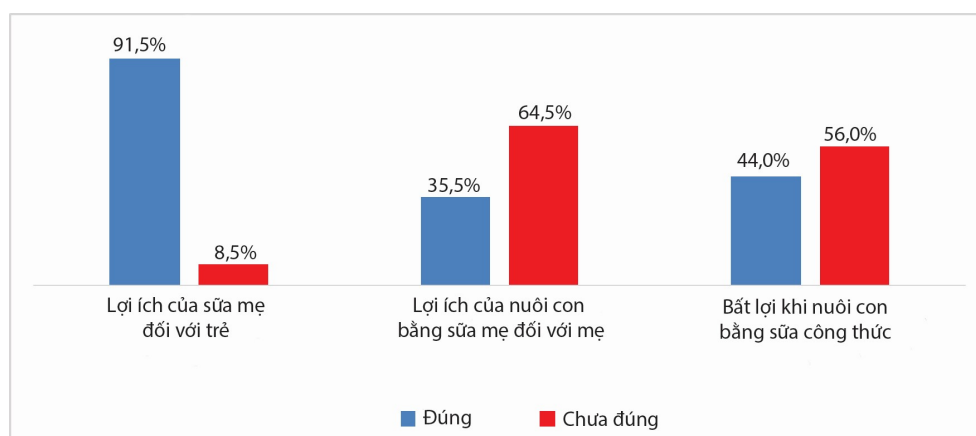
Thời điểm	n	%
≤ 24 giờ	3	1,5
≤ 48 giờ	85	42,5
≤ 72 giờ	112	56
Thời điểm xuống sữa trung bình (giờ)	60,9 ± 11,4	

Nhận xét: Tất cả sản phụ đều có hiện tượng xuống sữa trong vòng 72 giờ sau mổ lấy thai. Thời điểm xuống sữa sau 72 giờ chiếm tỷ lệ 56%. Chỉ có 1,5% số sản phụ xuống sữa ngay sau mổ 24 giờ. Thời điểm xuống sữa trung bình là $60,9 \pm 11,4$ giờ.

3.3. Kết quả nghiên cứu thực trạng nuôi con bằng sữa mẹ của các sản phụ mổ lấy thai

3.3.1. Thực trạng về kiến thức của sản phụ với lợi ích của nuôi con bằng sữa mẹ

Kiến thức của sản phụ với lợi ích của nuôi con bằng sữa mẹ



Biểu đồ 2. Kiến thức của sản phụ với lợi ích của nuôi con bằng sữa mẹ

Nhận xét: Hầu hết sản phụ có kiến thức đúng về lợi ích của sữa mẹ đối với trẻ (91,5%). Tỷ lệ sản phụ có kiến thức chưa đúng về vai trò của NCBSM đối với chính sản phụ chiếm 64,5% và bất lợi khi nuôi con bằng sữa công thức là 56%.

Kiến thức của sản phụ về cho trẻ bú sớm

Bảng 3. Kiến thức của sản phụ về cho trẻ bú sớm

Kiến thức về cho trẻ bú sớm	Đúng		Chưa đúng	
	n	%	n	%
Thời gian cho con bú tốt nhất sau sinh	156	78	44	22
Lợi ích của bú sớm với mẹ	186	93	14	7
Lợi ích của bú sớm với bé	159	79,5	41	20,5

Nhận xét: Tỷ lệ bà mẹ biết về thời gian cho con bú tốt nhất sau sinh là 88%. Tỷ lệ bà mẹ có kiến thức đúng về lợi ích của bú sớm với mẹ, bé lần lượt là 93% và 79,5%.

3.3.2. Thực hành của sản phụ về kỹ thuật cho con bú

Bảng 4. Thực hành của sản phụ về kỹ thuật cho con bú

Thực hành	Đúng		Chưa đúng	
	n	%	n	%
Bú sớm trong 1 giờ khi mẹ và trẻ tiếp xúc	58	29	142	71
Tư thế của trẻ khi mẹ cho bú	132	66	68	34
Mẹ cho trẻ ngậm bắt vú	149	74,5	51	25,5
Thời gian 1 bữa bú	120	60	80	40
Đạt yêu cầu về kỹ thuật cho trẻ bú	134	67	66	33

Nhận xét: 29% mẹ làm đúng là cho trẻ bú ngay khi mẹ và trẻ tiếp xúc; 66% sản phụ làm được tư thế đúng của trẻ khi cho bú, 74,5% sản phụ biết cách giúp trẻ ngậm bắt vú, 67% sản phụ đạt được các yêu cầu về kỹ thuật cho trẻ bú. Tuy nhiên có tới 40% sản phụ còn chưa cho trẻ bú đủ thời gian 1 cữ bú.

3.4. Một số yếu tố ảnh hưởng đến thời điểm xuống sữa

Bảng 5. Một số đặc điểm chung của sản phụ ảnh hưởng đến xuống sữa

Đặc điểm chung		Thời điểm xuống sữa		OR (95%CI)	p
		≥ 48 giờ	< 48 giờ		
Tuổi	20-29 tuổi	90	37	1,191 (0,60-2,37)	0,224
	< 20 và > 30	22	51		
Tiền sử sinh con	Rạ	42	68	2,08 (0,57-2,16)	0,02
	So	70	20		
Trình độ học vấn	PTTH và dưới PTTH	65	39	1,13 (0,60-2,13)	0,166
	Cao đẳng, đại học	47	49		
Nghề nghiệp	Nhân viên y tế, nhân viên văn phòng	22	73	4,12 (0,40-4,76)	0,04
	Ngành nghề khác	90	15		

Nhận xét:

Qua so sánh không nhận thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở nhóm tuổi, trình độ học vấn đối với thời điểm xuống sữa, với $p > 0,05$.

Có 68/110 (61,8%) sản phụ sinh con đẻ có hiện tượng xuống sữa trong vòng 48 giờ và 20/90 (22,2%) sản phụ sinh con so có hiện tượng xuống sữa trong vòng 48 giờ. Tỷ lệ sản phụ đẻ có hiện tượng

xuống sữa trong vòng 48 giờ cao hơn 2,08 lần các sản phụ sinh con so, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p = 0,02 < 0,05$).

So sánh sự xuống sữa của nhóm nghề nghiệp cho thấy sản phụ là nhân viên y tế, nhân viên văn phòng có thời gian xuống sữa trong vòng 48 giờ cao gấp 4,12 lần so với các sản phụ làm ngành nghề khác. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

Bảng 6. Một số yếu tố điều trị ảnh hưởng đến sự xuống sữa

Điều trị - chăm sóc		Đánh giá xuống sữa		OR (95%CI)	p
		≥ 48 giờ	< 48 giờ		
Chỉ định mổ lấy thai	Mổ chủ động	8	16	3,29 (0,53-4,11)	0,03
	Mổ khi có chuyển dạ	104	72		
Phương pháp vô cảm	Nội khí quản, mê tĩnh mạch	11	6	1,23 (0,63-2,38)	0,22
	Tê tủy sống	101	82		
Dùng kháng sinh	Đợt điều trị	72	29	2,13 (0,66-2,79)	0,049
	Dự phòng	40	59		
Dùng dụng cụ hút sữa	Có	40	62	1,17 (0,65-2,13)	0,052
	Không	48	50		

Nhận xét:

Những sản phụ được mổ lấy thai khi có chuyển dạ có tỷ lệ xuống sữa trong vòng 48 giờ đầu cao gấp 3,29 lần so với nhóm mổ chủ động, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

Sản phụ ở nhóm dùng kháng sinh dự phòng có tỷ lệ xuống sữa trong vòng 48 giờ đầu cao gấp 2,13 lần so với nhóm sử dụng kháng sinh điều trị, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

Không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa nhóm đại lượng dùng dụng cụ hút sữa với đại lượng điểm xuống sữa ($p > 0,05$).

4. Bàn luận**4.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu***Tuổi của sản phụ*

Kết quả cho thấy có 63,5% bà mẹ nằm trong độ tuổi từ 20-29 tuổi, nhóm bà mẹ dưới 20 tuổi chiếm tỷ lệ rất thấp 15%. Điều này phù hợp với khuyến cáo về độ tuổi sinh đẻ của ngành y tế. Hơn nữa, với độ tuổi này, người mẹ có thể dễ dàng tiếp cận với mọi phương tiện truyền thông cũng như tiếp thu rất tốt những kiến thức mới về chăm sóc sinh sau mổ nói riêng và chăm sóc trẻ nói chung. Tỷ lệ sinh con rạ ở sản phụ trong độ tuổi từ 30-35 tuổi (83,7%) cao hơn so với độ tuổi từ 20-29 (75,6%). Kết quả này có sự khác biệt so với nghiên cứu của Nguyễn Thị Thu Hậu và cộng sự, tỷ lệ sinh con rạ ở độ tuổi từ 20-30 là 61,2% [4].

Chỉ định mổ lấy thai và phương pháp vô cảm

88% sản phụ có chỉ định mổ lấy thai khi đã có chuyển dạ. Phương pháp vô cảm khi mổ lấy thai chủ yếu là tê tủy sống, chiếm 91,5%. Kết quả của chúng tôi tương đồng kết quả của Nguyễn Đức Thuận tại khoa Sản thường, BV Phụ sản Trung ương là 90% mổ khi chuyển dạ và 93,6% gây tê tủy sống [6].

4.2. Thực trạng xuống sữa của sản phụ sau mổ lấy thai

Thời điểm xuống sữa trung bình là giờ 60,9 $\pm$ 11,4 sau mổ lấy thai (Bảng 4). Trong đó, tỷ lệ sản phụ có phản xạ xuống sữa sau mổ 72 giờ chiếm 56% là cao nhất, sau 48 giờ có 42,5% sản phụ xuống sữa. Trong nghiên cứu này tỷ lệ sản phụ xuống sữa

nh nhanh hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Thanh Phong trên những sản phụ đẻ mổ ở Bệnh viện Đa khoa Đức Giang năm 2017 là $72,7 \pm 21,4$ giờ. Sau 48 giờ có 39,5% sản phụ mổ đẻ có hiện tượng xuống sữa [5]. Có sự chênh lệch này một phần do sự chủ động của nhân viên y tế của Khoa Sản, Bệnh viện Quân y 103 đã tích cực nỗ lực giúp sản phụ tiếp cận với kiến thức về sự xuống sữa.

4.3. Thực trạng nuôi con bằng sữa mẹ ở các sản phụ sau mổ lấy thai*Thực trạng về kiến thức nuôi con bằng sữa mẹ*

Tỷ lệ bà mẹ có kiến thức đúng về lợi ích của sữa mẹ đối với trẻ tương đối tốt, chiếm 91,5%. Kết quả này cao hơn so với nghiên cứu của Phan Thị Kiều Hạnh và cộng sự, tỷ lệ bà mẹ biết về lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ đối với trẻ là 83% [1]. Tuy nhiên vẫn còn 8,5% bà mẹ có hiểu biết chưa đúng về vấn đề này, điều này có thể là do các bà mẹ chưa có cơ hội tiếp cận thường xuyên với những nguồn thông tin đại chúng về tác dụng của sữa mẹ. Khi được hỏi về vai trò của việc NCBSM đối với mẹ, có 35,5% bà mẹ có kiến thức đúng về vấn đề này. Kết quả này thấp hơn so với kết quả trong nghiên cứu của Trần Anh Huy và cộng sự tại xã Giai Xuân, thành phố Cần Thơ với tỷ lệ bà mẹ nhận biết được về lợi ích đối với mẹ khi nuôi con bằng sữa mẹ là 55%. Tỷ lệ này đã phản ánh một phần về thực tế vẫn còn nhiều bà mẹ chưa nhìn nhận được hết những lợi ích của sữa mẹ.

Thực trạng về kỹ năng thực hành cho con bú

Kết quả nghiên cứu cho thấy, chỉ 29% mẹ làm đúng là cho trẻ bú ngay khi mẹ và trẻ tiếp xúc, chỉ 66% trên tổng số bà mẹ tham gia nghiên cứu có kỹ năng đạt về tư thế đúng của trẻ khi cho bú, kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Đức Thuận tại 11 tỉnh thành, tỷ lệ sản phụ có kỹ năng tốt về tư thế của trẻ khi cho bú là 60,5% [6].

4.4. Một số yếu tố liên quan đến thời điểm xuống sữa*Một số đặc điểm chung của sản phụ liên quan đến thời điểm xuống sữa*

Có sự liên quan có ý nghĩa thống kê giữa tiền sử sinh con, nghề nghiệp, với thời điểm xuống sữa,

tương đồng với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thanh Phong và cộng sự [5]. Sản phụ sinh con ra xuống sữa nhanh gấp 2,08 lần so với sản phụ con sơ; nghiên cứu của Nguyễn Thanh Phong là 2,32 lần [5]. Sản phụ là nhân viên y tế, nhân viên văn phòng có sự xuống sữa nhanh gấp 4,12 lần so với các nghề nghiệp khác. Nhân viên y tế, nhân viên văn phòng là những sản phụ được tiếp cận với nguồn thông tin, truyền thông về kiến thức về kĩ năng chăm sóc sức khỏe sinh sản, chăm sóc sơ sinh vì vậy tạo điều kiện thuận lợi cho sự xuống sữa.

Một số yếu tố điều trị liên quan đến sự xuống sữa

Có liên quan giữa phương pháp mổ lấy thai, dùng kháng sinh và thời điểm xuống sữa ($p < 0,05$). Ở những sản phụ có chỉ định mổ lấy thai chủ động có thời gian xuống sữa lâu hơn gấp 3,29 lần so với sản phụ mổ lấy thai khi chuyển dạ. Khi có chuyển dạ và chỉ định mổ, tại thời điểm đó có cơn co tử cung thúc đẩy quá trình chuyển dạ, oxytocin tiết ra làm thúc đẩy phản xạ tiết sữa, sữa sẽ về sớm hơn. Ở sản phụ có sử dụng kháng sinh điều trị có thời điểm xuống sữa lâu hơn 2,13 lần so với nhóm sử dụng kháng sinh dự phòng. Điều này thể hiện việc sử dụng kháng sinh có liên quan đến khả năng tiết sữa của sản phụ, như kết quả nghiên cứu của Rathore AS và cộng sự [7].

5. Kết luận

Đa số các sản phụ mổ lấy thai đã có kiến thức tốt về nuôi con bằng sữa mẹ, tuy nhiên thực hành nuôi con bằng sữa mẹ còn nhiều hạn chế. Sự xuống sữa có liên quan đến các yếu tố nhóm nghề nghiệp,

tiền sử sinh con, chỉ định mổ lấy thai và cách thức sử dụng kháng sinh.

Tài liệu tham khảo

1. Phan Thị Kiều Hạnh và cộng sự (2019) *Khảo sát kiến thức, thái độ, thực hành về nuôi con bằng sữa mẹ của bà mẹ có con < 6 tháng tuổi tại Bệnh viện Nhi Đồng Cần Thơ*.
2. UNICEF (2021) *Điều tra SDGCW Việt Nam 2020 - 2021 liên quan đến chế độ ăn của trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ*.
3. Bộ Y tế (2005) *Chăm sóc bà mẹ sau đẻ*. Tài liệu đào tạo hộ sinh trung học, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Thu Hậu, Nguyễn Hoàng Nhật Hoa, Trần Thị Hoài Phương, Mai Quang Huỳnh Mai (2021) *Kỹ năng nuôi con bằng sữa mẹ và một số yếu tố liên quan đến phát triển, bệnh tật ở trẻ < 6 tháng tuổi khám tham vấn dinh dưỡng tại Bệnh viện Nhi Đồng 2019*. Tạp chí Y học Dự phòng, Tập 31/số 6.
5. Nguyễn Thanh Phong, Hoàng Thu Hương, Trần Mai Huyền, Mã Thị Hồng Liên, Lê Tùng Lâm (2017) *Thực trạng xuống sữa và nuôi con bú bằng sữa mẹ của sản phụ sau đẻ mổ tại Khoa Sản, Bệnh viện Đa khoa Đức Giang 2016 - 2017*. Cao đẳng Y tế Hà Nội.
6. Nguyễn Đức Thuấn (2013) *Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng của sản phụ sau đẻ tại Khoa Sản thường, Bệnh viện Phụ sản Trung ương*. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Bệnh viện Phụ sản Trung ương, năm 2013.
7. Rathore AS, Ramesh P (1994) *Breast feeding practices among rural mothers of Delhi*. Nurs J India 85(5): 103-104.